

HỌC VIỆN NGÂN HÀNG
KHOA LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ



TIỂU LUẬN KẾT THÚC HỌC PHẦN

Học phần: LOGIC HỌC ĐẠI CƯƠNG

ĐỀ TÀI SỐ 01: *Phép định nghĩa khái niệm và các lỗi logic
vi phạm quy tắc định nghĩa khái niệm thông qua các tình
huống thực tế*

Giảng viên hướng dẫn : ĐÀO THỊ HỮU

Sinh viên thực hiện : NGUYỄN THỊ LAN ANH

Lớp : K22LKTC

Mã sinh viên : 22A4060235

Hà Nội, ngày 09 tháng 7 năm 2020

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
1. Tính cấp thiết của đề tài.....	1
2. Mục đích nghiên cứu	1
3. Đối tượng nghiên cứu	1
4. Phương pháp nghiên cứu	2
5. Ý nghĩa nghiên cứu đề tài	2
NỘI DUNG.....	3
1. LÝ THUYẾT VỀ KHÁI NIỆM VÀ PHÉP ĐỊNH NGHĨA KHÁI NIỆM.....	3
1.1. Thế nào là Khái niệm?	3
1.2. Phép định nghĩa khái niệm.....	3
1.2.1. Thế nào là định nghĩa khái niệm	3
1.2.2. Cấu tạo của định nghĩa khái niệm.....	4
1.3. Các kiểu định nghĩa thường dùng	4
1.3.1. Thông qua khái niệm loại phân biệt khái niệm chủng.....	4
1.3.2. Làm rõ nguồn gốc phát sinh của đối tượng.....	4
1.3.3. Thông qua quan hệ của khái niệm cần định nghĩa với khái niệm khác đã được định nghĩa.....	4
1.3.4. Mô tả một số dấu hiệu đặc biệt của đối tượng	5
1.3.5. Liệt kê tất cả các đối tượng thuộc ngoại diên của khái niệm được định nghĩa.....	5
1.3.6. Tìm thuật ngữ tương đương để thay thế cho nhau.....	5
2. CÁC QUY TẮC ĐỊNH NGHĨA KHÁI NIỆM VÀ CÁC LỖI LOGIC VI PHẠM QUY TẮC ĐỊNH NGHĨA KHÁI NIỆM.....	5
2.1. Định nghĩa phải cân đối	5
2.2. Định nghĩa không được lòng vòng.....	6
2.3. Định nghĩa phải ngắn gọn.....	7
2.4. Định nghĩa phải chuẩn xác, rõ ràng.	8
2.5. Không nên định nghĩa phủ định	9
3. RÚT RA BÀI HỌC KINH NGHIỆM	10
KẾT LUẬN	11
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	11

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Bất cứ quá trình tư duy nào cũng phải sử dụng, cũng đều phải sử dụng các khái niệm. Một lập luận, một chứng minh, một bác bỏ, một kết quả nhận thức có được từ một suy luận bất kỳ có tin cậy được hay không, con người ta có thể nhất trí với nhau về một vấn đề nào đó hay họ bất đồng về chúng ...nhiều khi phụ thuộc vào các khái niệm tham gia vào trong các quá trình này.

Tuy nhiên, sự không giống nhau trong nhận thức về các khái niệm, sự dị biệt trong việc sử dụng ngôn từ để cố định và chuyển tải các khái niệm ... dẫn đến nhiều khó khăn cho hoạt động tư duy, làm cho tốc độ, chất lượng tư duy giảm sút và trong không ít trường hợp bị rối loạn, bế tắc. Để hạn chế những bất lợi này cho hoạt động tư duy, đặc biệt là trong những lĩnh vực đòi hỏi có độ chính xác cao, quy mô tác động và điều chỉnh lớn... từ lâu con người đã nghĩ tới một thao tác tư duy cực kỳ quan trọng và hữu ích: định nghĩa khái niệm.

Đây cũng là lí do để tiến hành lựa chọn đề tài số 01 – *“Phép định nghĩa khái niệm và các lỗi logic vi phạm quy tắc định nghĩa khái niệm thông qua các tình huống thực tế”*

2. Mục đích nghiên cứu

Đề tài sẽ nghiên cứu làm rõ các vấn đề về: Thế nào là khái niệm, phép định nghĩa khái niệm? Các kiểu định nghĩa thường dùng? Các quy tắc định nghĩa khái niệm

Bên cạnh đó, đề tài cũng sẽ làm rõ lỗi logic khi vi phạm các quy tắc định nghĩa khái niệm thông qua các tình huống thực tế để từ đó liên hệ với quá trình học tập của bản thân.

3. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu là lý thuyết về phép định nghĩa khái niệm và các lỗi logic khi vi phạm các quy tắc định nghĩa khái niệm.

4. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp thu thập phân tích tài liệu: Thông qua các giáo trình, sách tham khảo, các bài báo khoa học để làm rõ nội dung của mục tiêu nghiên cứu. Phương pháp phân loại hệ thống hóa kiến thức: Thông qua các tài liệu khoa học theo chủ đề, theo đơn vị kiến thức để nội dung của bài tiểu luận dễ nhận biết và nghiên cứu.

5. Ý nghĩa nghiên cứu đề tài

Tìm hiểu về phép định nghĩa khái niệm và quy tắc của nó giúp ta có được công cụ hữu hiệu để nhận ra sai lầm trong thao tác định nghĩa khái niệm trong quá trình học tập, nghiên cứu, từ đó có thể tiến hành lập luận, tranh luận, phản bác lại một cách thuyết phục. Nó còn trang bị cho ta phương pháp tư duy khoa học, nhờ đó ta có thể nghiên cứu khoa học, lĩnh hội và trình bày tri thức, tham gia các hoạt động thực tiễn khác một cách hiệu quả.

NỘI DUNG

1. LÝ THUYẾT VỀ KHÁI NIỆM VÀ PHÉP ĐỊNH NGHĨA KHÁI NIỆM

1.1. Thế nào là Khái niệm?

Khái niệm là hình thức tồn tại cơ bản của tư duy, dùng để phản ánh về đối tượng thông qua những dấu hiệu bản chất khác biệt.

Dấu hiệu bản chất khác biệt: là những dấu hiệu nhất thiết phải tồn tại ở đối tượng, là cái căn bản quyết định nên sự tồn tại của đối tượng và dựa vào đó có thể phân biệt được đối tượng này, lớp đối tượng này đối với đối tượng hay lớp đối tượng khác.

Có 03 loại thao tác đối với khái niệm là: Thao tác mở rộng khái niệm; Thao tác thu hẹp khái niệm; Thao tác định nghĩa khái niệm

1.2. Phép định nghĩa khái niệm

1.2.1. Thế nào là định nghĩa khái niệm

Thực chất là thao tác chỉ ra những nội dung cơ bản nhất trong nội hàm của khái niệm.

Các thao tác cơ bản bao gồm:

- Làm rõ nội hàm, chỉ ra các dấu hiệu bản chất đặc trưng của đối tượng phản ánh trong khái niệm
- Tách khái niệm được định nghĩa ra khỏi lớp khái niệm cùng nằm trong khái niệm loại.

Chú ý: Cần phân biệt khái niệm cần định nghĩa và khái niệm dùng để định nghĩa.

Ví dụ: Khi định nghĩa khái niệm: Pháp luật.

- Chỉ ra nội hàm: “là hệ thống quy tắc xử sự mang tính bắt buộc chung do nhà nước ban hành hoặc thừa nhận, được đảm bảo thực hiện nhằm điều chỉnh các quan hệ xã hội theo mục tiêu và định hướng cụ thể”

- Tách khái niệm Pháp luật ra khỏi khái niệm Quy phạm Pháp luật, Quy tắc xử sự ...

1.2.2. Cấu tạo của định nghĩa khái niệm

- Khái niệm được định nghĩa là khái niệm chưa rõ, chưa tường minh, cần phải xác định rõ nội hàm và làm cho nó tường minh.
- Khái niệm dùng để định nghĩa là khái niệm đã tường minh, đã xác định được nội hàm của nó và được mọi người thừa nhận, dùng nó để làm sáng tỏ khái niệm được định nghĩa.
- Từ nối khái niệm được định nghĩa với khái niệm dùng để định nghĩa trong tiếng việt biểu đạt bằng từ “là” hoặc “khi và chỉ khi”

1.3. Các kiểu định nghĩa thường dùng

Trong thực tế, có những phương pháp định nghĩa khái niệm rõ ràng, chính xác, còn có những phương pháp định nghĩa chưa chặt chẽ vẫn được sử dụng trong những điều kiện nhất định, nhất là trong ngôn ngữ giao tiếp, một số phương pháp thường dùng như:

1.3.1. Thông qua khái niệm loại phân biệt khái niệm chủng

Chỉ ra khái niệm cần định nghĩa thuộc khái niệm loại nào, qua đó hình dung ra những khái niệm chủng cùng nằm trong khái niệm loại với nó.

Chỉ rõ những dấu hiệu bản chất khác biệt (tức nội hàm) của đối tượng để phân biệt với các khái niệm chủng cùng loại với nó.

1.3.2. Làm rõ nguồn gốc phát sinh của đối tượng

Mô tả quá trình hình thành của đối tượng phản ánh, qua đó khắc họa rõ nét những dấu hiệu bản chất khác biệt đặc trưng, giúp cho việc hiểu rõ đối tượng.

1.3.3. Thông qua quan hệ của khái niệm cần định nghĩa với khái niệm khác đã được định nghĩa

Sau khi đã định nghĩa khái niệm nào đó, tiếp tục chỉ ra quan hệ của nó với khái niệm khác. Như vậy cả hai khái niệm coi như đã được định nghĩa.

1.3.4. Mô tả một số dấu hiệu đặc biệt của đối tượng

Dấu hiệu đặc biệt có thể không phải là dấu hiệu bản chất mà đó là dấu hiệu chỉ sự vật đó có trong đối tượng đang xét.

1.3.5. Liệt kê tất cả các đối tượng thuộc ngoại diên của khái niệm được định nghĩa

Trong phạm vi nhất định của một lớp đối tượng hữu hạn, khi định nghĩa về nó, có thể kể tên tất cả các đối tượng thành phần cùng nằm trong ngoại diên của khái niệm.

1.3.6. Tìm thuật ngữ tương đương để thay thế cho nhau (còn được gọi là định nghĩa duy danh)

Trường hợp này chỉ chú trọng làm rõ quan hệ về mặt ngữ nghĩa chứ không hướng vào làm rõ nội hàm của khái niệm.

2. CÁC QUY TẮC ĐỊNH NGHĨA KHÁI NIỆM VÀ CÁC LỖI LOGIC VI PHẠM QUY TẮC ĐỊNH NGHĨA KHÁI NIỆM

2.1. Định nghĩa phải cân đối

Điều này có nghĩa là Khái niệm được định nghĩa và phần dùng để định nghĩa phải có ngoại diên bằng nhau. Vi phạm quy tắc này có thể dẫn đến những sai lầm như:

- Định nghĩa quá hẹp, nghĩa là số lượng các phần tử nằm trong ngoại diên của B nhỏ hơn số phần tử nằm trong ngoại diên của A ($A > B$).

Ví dụ: Trong Luật Cạnh tranh 2004 tại Điều 39 đã không có một định nghĩa chung về “cạnh tranh không lành mạnh” dưới hình thức tập hợp mà đã dùng lối định nghĩa liệt kê, theo đó liệt kê ra một số hành vi bị cấm, tức bị coi là cạnh tranh không lành mạnh. Như ta đã biết, sự vật luôn thì luôn vận động, biến đổi và phát triển. Nếu ở thời điểm này chỉ có chừng ấy hành vi bị cấm nhưng trong tương lai lại xuất hiện hành vi khác cũng cần bị cấm thì nhà làm luật có đủ sức mãi chạy theo nó để sửa luật, để liệt kê thêm? Và, trong khi hành vi cần bị cấm

mới đã xuất hiện mà luật chưa được sửa đổi chắc hẳn sẽ xuất hiện “khoảng trống pháp luật”, tức là không có quy phạm pháp luật để điều chỉnh. Theo chúng tôi, trong một văn bản pháp luật nói riêng và trong hệ thống pháp luật nói chung mà có quá nhiều định nghĩa dạng liệt kê thì nó cũng là một trong các nguyên nhân dẫn đến hệ quả tất yếu là tình trạng “chết yếu” của nhiều quy phạm pháp luật, nhiều văn bản quy phạm pháp luật – hiệu lực thời gian của chúng quá ngắn ngủi.

- Định nghĩa quá rộng, nghĩa là số lượng các phần tử nằm trong ngoại diện của A nhỏ hơn số phần tử nằm trong ngoại diện của B ($A < B$).

Ví dụ: Định nghĩa “*Tội phạm là hành vi nguy hiểm cho xã hội*” như trong một số sách, báo thường trích dẫn là quá rộng, vì có nhiều hành vi khác cũng nguy hiểm cho xã hội nhưng không phải là tội phạm. Cần đưa thêm dấu hiệu “*có lỗi*” và dấu hiệu “*được quy định trong BLHS*” để định nghĩa thoả mãn quy tắc.

Bộ luật hình sự quy định đầy đủ như sau: “*Tội phạm là hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định trong BLHS, do người có năng lực trách nhiệm hình sự thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý xâm phạm độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, xâm phạm chế độ Nhà nước xã hội chủ nghĩa, xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tự do, tài sản, các quyền và lợi ích hợp pháp khác của công dân, xâm phạm các lĩnh vực khác của trật tự pháp luật xã hội chủ nghĩa*”

Vi phạm quy tắc này đều dẫn tới hậu quả nghiêm trọng là làm cho người ta hiểu không đúng, không chính xác về các đối tượng được định nghĩa dẫn tới nguy cơ là nếu dựa vào nó người ta có thể đồng nhất các đối tượng mà đúng ra không được đồng nhất.

2.2. Định nghĩa không được lòng vòng

Chỉ được sử dụng những Khái niệm đã biết, đã được định nghĩa để định nghĩa. Vi phạm quy tắc này có thể dẫn đến sai lầm:

- Định nghĩa vòng quanh, nghĩa là dùng B để định nghĩa A sau đó dùng A để định nghĩa B.

Ví dụ: Chẳng hạn với định nghĩa: “*Văn bản quy phạm pháp luật là văn bản có chứa quy phạm pháp luật và các quy phạm pháp luật là các thành tố quan trọng cấu thành nên văn quy phạm pháp luật*” thì phần dùng để định nghĩa có chứa ngay khái niệm cần được định nghĩa và nó đều không giúp người ta hiểu gì hơn về khái niệm cần được định nghĩa. Định nghĩa mắc lỗi này thì coi như chưa định nghĩa gì cả.

- Định nghĩa luân quần, nghĩa là dùng chính A để định nghĩa A.

Ví dụ: Điều 4 Luật Tổ chức Viện Kiểm sát nhân dân quy định chức năng kiểm sát hoạt động tư pháp của Viện kiểm sát nhân dân, như sau: “*Kiểm sát hoạt động tư pháp là hoạt động của Viện kiểm sát nhân dân để kiểm sát tính hợp pháp của các hành vi, quyết định của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong hoạt động tư pháp, được thực hiện ngay từ khi tiếp nhận và giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố và trong suốt quá trình giải quyết vụ án hình sự; trong việc giải quyết vụ án hành chính, vụ việc dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động; việc thi hành án, việc giải quyết khiếu nại, tố cáo trong hoạt động tư pháp; các hoạt động tư pháp khác theo quy định của pháp luật.*”

Định nghĩa chưa thể giải thích rõ ràng kiểm sát là gì, mà sử dụng việc liệt kê các hoạt động kiểm sát của viện kiểm sát để định nghĩa thế nào là kiểm sát hoạt động tư pháp.

Cả hai dạng sai lầm trên đều có đặc điểm chung là trong phần dùng để định nghĩa có chứa ngay khái niệm cần được định nghĩa và nó đều không giúp người ta hiểu gì hơn về khái niệm cần được định nghĩa. Định nghĩa mắc lỗi này thì coi như chưa định nghĩa gì cả.

2.3. Định nghĩa phải ngắn gọn

Tức là không nên nêu những dấu hiệu nào đó mà người ta có thể suy ra từ các dấu hiệu khác, những dấu hiệu mà không có nó người ta vẫn nhận diện được một cách chính xác đối tượng đang được định nghĩa và không có nó người ta vẫn phân biệt được đối tượng được định nghĩa với các đối tượng khác.

Việc nêu hết các dấu hiệu bản chất của đối tượng cần định nghĩa thì định nghĩa được đưa ra không làm cho người ta nhận thức sai về đối tượng được định nghĩa. Vấn đề là nó không cần thiết. Vừa đủ là tiêu chuẩn tối cần thiết của tư duy khoa học! Tuân thủ quy tắc này, người định nghĩa không những không được đưa vào định nghĩa những dấu hiệu không bản chất mà ngay cả với những dấu hiệu bản chất thì cũng chỉ cần nêu vừa đủ các dấu hiệu nào đó thôi, miễn sao giúp người tiếp cận định nghĩa nhận diện đúng đối tượng được định nghĩa và phân biệt nó với các đối tượng khác. Điều này giúp cho tư duy của họ không bị rối, giúp cho họ tiết kiệm được tư duy, thời gian và trí nhớ. Có thể vì vậy mà người ta gọi định nghĩa khái niệm là khái niệm của khái niệm.

Ví dụ: "Chịu hình phạt có nghĩa là bất cứ hành vi phạm tội nào cũng đều bị đe dọa có thể phải chịu biện pháp cưỡng chế nhà nước nghiêm khắc nhất là hình phạt" (Giáo trình Đại học Luật Hà Nội năm 2000, tr.41), khái niệm này coi việc chịu hình phạt là dấu hiệu bản chất (thuộc tính) của tội phạm. Đây là một sai lầm vì “*có thể phải chịu* biện pháp cưỡng chế nhà nước nghiêm khắc nhất là hình phạt” tức vẫn còn trường hợp ngoại lệ “*không phải chịu*”. Như vậy, nghĩa là có thể có mà cũng có thể không ở một tội phạm. Vậy, dấu hiệu này không thể là dấu hiệu bản chất (thuộc tính) vì thuộc tính luôn được hiểu là “*đặc tính vốn có của một sự vật (hiện tượng) nhờ đó sự vật tồn tại và qua đó con người nhận thức được sự vật, phân biệt được sự vật này với sự vật khác*”.

2.4. Định nghĩa phải chuẩn xác, rõ ràng.

Vi phạm quy tắc này thường xảy ra khi người định nghĩa sử dụng câu chữ không chặt chẽ, không bao quát, không rõ ràng, không đúng văn phạm hoặc sử dụng các từ ngữ hoa mỹ, nghĩa bóng, nghĩa ẩn dụ của từ hoặc của câu mà hậu

quả của nó là không xác định được nội hàm và loại biệt ngoại diên của khái niệm.

Ví dụ: Điều 63 Luật hôn nhân và gia đình 2001: “*Con chung là con được sinh ra trong thời kỳ hôn nhân hoặc có thai trong thời kỳ đó*”. Chắc chắn khi giải quyết các vấn đề liên quan đến con chung các nhà áp dụng pháp luật phải dựa vào định nghĩa này. Giả định tình huống sau: Anh A kết hôn hợp pháp với chị B. Một tháng sau chị B có bầu. Trong thời gian chị B có bầu, hai vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn dẫn đến ly hôn. Một thời gian ngắn sau khi quyết định cho ly hôn của Toà án đã có hiệu lực pháp luật, chị B (vẫn đang mang bầu) kết hôn với anh C, rồi sinh con. Trong trường hợp xảy ra tranh chấp con chung thì Toà án sẽ phán quyết như thế nào? Là con chung của A với B hay là con chung của B với C? Nếu Toà án xử là con chung của B với C (có lý, vì con được sinh ra trong thời kỳ hôn nhân của họ chứ không sinh ra trong thời kỳ hôn nhân của A và B) thì A có thể kháng án (cũng có lý, vì đứa trẻ được hoài thai trong thời kỳ hôn nhân của A với B chứ không phải trong thời kỳ hôn nhân của B với C). Có thể thấy, định nghĩa này không đủ chính xác.

Ví dụ: “*Mua dâm là hành vi giao cấu có trả tiền*” (Dự thảo Pháp lệnh Phòng chống mại dâm). Vậy, giao cấu nhưng trả bằng các vật khác tiền thì sao? Hay đó không phải là mua dâm. Có thể nói, việc dùng từ “trả tiền” ở đây là không chặt chẽ, không bao quát.

2.5. Không nên định nghĩa phủ định.

Quy tắc này yêu cầu không nên đưa vào định nghĩa những dấu hiệu mà chúng không có ở đối tượng của khái niệm.

Tuy nhiên cũng cần phải lưu ý thêm là, quy tắc này yêu cầu “không nên” định nghĩa phủ định chứ không phải là không được (nếu sự phủ định đó cho phép giới hạn được ngoại diên và làm rõ được dấu hiệu bản chất của đối tượng cần định nghĩa).

Ví dụ: Trong khoa học tự nhiên có một số khái niệm cho phép và thậm chí bắt buộc phải định nghĩa theo cách này như: “Khí trơ là khí không tham gia phản ứng hoá học”.

3. RÚT RA BÀI HỌC KINH NGHIỆM

Ngày nay nhìn lại, ta thấy, trong lịch sử phát triển của nền văn minh nhân loại và suy cho cùng cũng là lịch sử phát triển của tư duy thì ở bất cứ khoa học nào, từ khoa học tự nhiên, khoa học xã hội – nhân văn đến khoa học thực nghiệm cũng đều có và cũng cần đến định nghĩa khái niệm. Người ta khó hình dung được rằng một ngành khoa học nào đó có thể tồn tại và phát triển mà ở đó không có các định nghĩa khái niệm, hoặc có quá nhiều các định nghĩa không chuẩn xác. Định nghĩa khái niệm là hình thức phản ánh hiện thực khách quan, do đó, một mặt nó là sản phẩm của hoạt động nhận thức, mặt khác, đến lượt mình, nó trở thành công cụ của nhận thức. Có định nghĩa, định nghĩa đúng, tốt, nhất quán sẽ giúp con người hiểu thấu đáo, rõ ràng, chính xác và thống nhất các đối tượng, tránh được nguy cơ cùng một đối tượng mà ai muốn hiểu thế nào cũng được.

Trong luật học có định nghĩa về nhà nước, bộ máy nhà nước, pháp luật, quy phạm pháp luật, vi phạm pháp luật, tội phạm...Điều này phần nào cho thấy, định nghĩa khái niệm tồn tại phổ biến và không thể phủ nhận trong hoạt động nhận thức, hoạt động lý luận và hoạt động thực tiễn của các ngành khoa học khác nhau và trong đời sống hàng ngày, bởi, nếu không có ý nghĩa hoặc không cần thiết thì cố nhiên nó đã không tồn tại hàng chục ngàn năm nay ở các ngành khoa học. Đối với một sinh viên chuyên ngành luật, việc nắm vững các quy tắc của phép định nghĩa khái niệm là một điều hết sức quan trọng, bởi chúng ta sử dụng các định nghĩa hàng ngày, trong học tập, nghiên cứu khoa học, trong tranh luận, đối đáp...Việc nắm vững các quy tắc giúp ta nhanh chóng phát hiện ra các lỗi logic trong thao tác định nghĩa khái niệm, từ đó nhận biết đâu mới là

khái niệm chính xác nhất của một vấn đề, tránh nhầm lẫn, hiểu sai hoặc hiểu không chính xác về vấn đề cần nghiên cứu.

KẾT LUẬN

Trong đời sống xã hội cũng như trong học tập và nghiên cứu của các ngành khoa học, việc định nghĩa được khái niệm là rất cần thiết, nó giúp mọi người hiểu đầy đủ, chính xác và thống nhất đối với mỗi khái niệm. Hiểu được tầm quan trọng của việc “Định Nghĩa Khái Niệm” trong đời sống và trong khoa học như vậy, cho nên việc nghiên cứu đề tài cuối kỳ lần này không đơn thuần chỉ là bài tập phải thực hiện mà nó còn là cơ hội cho bản thân trong việc tìm hiểu và rèn luyện kỹ năng tư duy và nhìn nhận thấu đáo bản chất cốt lõi về các vấn đề trong đời sống, trong nghiên cứu học tập cũng như trong lao động sản xuất và phát triển.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. *Giáo trình logic học* (2011) Trường Đại học Luật Hà Nội, Nhà xuất bản Công an nhân dân
2. Trần Hoàng (2003), *Logic học nhập môn*, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.
3. Phạm Đình Nghiêm (2009) *Nhập môn Logic học*, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hồ Chí Minh.
4. Lê Duy Ninh (2005) *Logic học và Pháp Luật*, Trường Đại Học Luật Thành phố Hồ Chí Minh, Tạp chí Khoa Học Pháp Lý số 02-2005.